

Phụ lục I
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ
CHUYÊN MÔN VÀ MÃ VÙNG CỦA GCNKNCM, CCCM TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ
CHUYÊN MÔN

1. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng

Mặt ngoài

Mặt trong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
QUỐC HUY
GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN THUYỀN TRƯỞNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Hình mô neo)
AC 00000000

UBND... SỞ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
Ảnh 2x3 cm (đóng dấu nổi), ảnh chụp không quá 06 tháng	Hạng:.....(1)..... Họ và tên:.....(2) Ngày sinh:.....(3) Số ĐDCN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu:.....(4)(5)....., ngày tháng năm (6) Chức danh người ký (7)
Số: (9) Cấp lần đầu: (10) Có giá trị đến: (11)	Tên người ký (8)

2. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng

Mặt ngoài

Mặt trong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
QUỐC HUY
GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN MÁY TRƯỞNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Hình mô neo)
BC 00000000

UBND... SỞ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
Ảnh 2x3 cm (đóng dấu nổi), ảnh chụp không quá 06 tháng	Hạng:.....(1)..... Họ và tên:.....(2) Ngày sinh:.....(3) Số ĐDCN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu:.....(4)(5)....., ngày tháng năm (6) Chức danh người ký (7)
Số: (9) Cấp lần đầu: (10) Có giá trị đến: (11)	Tên người ký (8)

3. Mẫu chứng chỉ chuyên môn

Mặt ngoài

Mặt trong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
QUỐC HUY
CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Hình mô neo)
CC 00000000

UBND... SỞ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
Ảnh 2x3 cm (đóng dấu nổi), ảnh chụp không quá 06 tháng	(1)..... Họ và tên:.....(2) Ngày sinh:.....(3) Số ĐDCN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu:.....(4)(5)....., ngày tháng năm (6) Chức danh người ký (7)
Số: (9) Cấp lần đầu: (10) Ghi chú: (12)	Tên người ký (8)

4. Nội dung giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

(1): Hạng GCNKNCM, loại CCCM (T3, M3, LPT,...): phong chữ Times New Roman chữ in hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(2): Họ và tên: ghi rõ họ, chữ đệm, tên, phong chữ Times New Roman chữ in hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(3): Ngày sinh: ghi ngày, tháng, năm sinh, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(4): Số ĐDCN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu: ghi số Định danh cá nhân, số Căn cước công dân, số Thẻ căn cước, số Hộ chiếu, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(5): Tỉnh, thành phố: nơi cơ quan có thẩm quyền cấp, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in nghiêng, cỡ chữ 8.

(6): Ngày ...tháng ...năm: ngày ký cấp GCNKNCM, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(7): Chức danh người ký: phong chữ Times New Roman chữ hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(8): Tên người ký: ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(9): Số thứ tự của GCNKNCM, CCCM và mã hiệu vùng của cơ quan cấp, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in đậm cỡ chữ 10.

- Số thứ tự: đánh số theo tuần tự bắt đầu từ số 00000001;

- Mã hiệu vùng của GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Mục II của Phụ lục này:
+ GCNKNCM, CCCM do Sở Xây dựng cấp ghi mã hiệu vùng.

Ví dụ: Số GCNKNCM: 00000001 AG; số CCCM: 00000001 AG

+ GCNKNCM, CCCM do cơ sở đào tạo cấp ghi tên viết tắt của cơ sở đào tạo và ghi mã hiệu vùng.

Ví dụ: Số GCNKNCM: 00000001 ĐTI.HP; Số CCCM: 00000001 ĐTII.SG

(10): Cấp lần đầu: ghi ngày/tháng/năm của GCNKNCM, CCCM đã được cấp lần đầu tiên; phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(11): Có giá trị đến: phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8. Nếu người có tuổi lao động dưới 5 năm tính từ ngày cấp GCNKNCM thì ghi hạn đến ngày tháng sinh của năm 60 tuổi đối với nam và 55 tuổi đối với nữ.

(12): Ghi chú (nếu có): phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8. Người được cấp CCCM chỉ được phép đảm nhiệm chức danh trên phương tiện có công suất máy từ 90 cv trở lên khi đủ 18 tuổi (viết tắt $\geq 90cv, \geq 18t$).

5. Chất liệu, kích thước, hoa văn, màu sắc

a) Phôi GCNKNCM thuyền trưởng được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu xanh nước biển, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

b) Phôi GCNKNCM máy trưởng được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu đỏ thẫm, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

c) Phôi chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu xanh nước biển, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

d) Phôi chứng chỉ chuyên môn đặc biệt được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu đỏ thẫm, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

II. MÃ VÙNG CỦA GCNKNCM, CCCM TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên địa phương	Mã hiệu vùng	STT	Tên địa phương	Mã hiệu vùng
1	An Giang	AG	18	Lạng Sơn	LS
2	Bắc Ninh	BN	19	Lai Châu	LC

3	Cà Mau	CM	20	Lâm Đồng	LD
4	Cần Thơ	CT	21	Lào Cai	LK
5	Cao Bằng	CB	22	Nghệ An	NA
6	Đà Nẵng	ĐNa	23	Ninh Bình	NB
7	Đắk Lắk	ĐL	24	Phú Thọ	PT
8	Điện Biên	ĐB	25	Quảng Ngãi	QNg
9	Đồng Nai	ĐN	26	Quảng Ninh	QN
10	Đồng Tháp	ĐT	27	Quảng Trị	QT
11	Gia Lai	GL	28	Sơn La	SL
12	Hà Nội	HN	29	Tây Ninh	TN
13	Hà Tĩnh	HT	30	Thái Nguyên	TNg
14	Hải Phòng	HP	31	Thanh Hóa	TH
15	TP. Hồ Chí Minh	SG	32	Huế	HUE
16	Hưng Yên	HY	33	Tuyên Quang	TQ
17	Khánh Hòa	KH	34	Vĩnh Long	VL

III. MẪU HỦY GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN

Cắt chéo theo đường nét đứt:

UBND... SỞ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
Ảnh 2x3 cm (đóng dấu nổi) ảnh chụp không quá 06 tháng	Hạng:.....(1).....
	Họ và tên:.....(2)
	Ngày sinh:.....(3)
	Số ĐĐC/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu:(4)
	(5)....., ngày tháng năm (6) Chức danh người ký (7)
Số: (9) Cấp lần đầu: (10) Cố giá trị đến: (11)	Tên người ký (8)

Phụ lục II**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ HỌC ĐỂ ĐƯỢC CẤP GCNKNCM, CCCM***(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)***CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BÁO CÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Báo cáo số 1:

Thời gian học:.....

Khai giảng ngày:.....

Bế giảng ngày:.....

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ HỌC ĐỂ ĐƯỢC CẤP GCNKNCM, CCCM

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐDCN/CCCD/ THẺ CC/HỘ CHIẾU	SƠ CẤP/TRUNG HỌC NGHỀ CHUYÊN NGÀNH TRỞ LÊN (*)	SỐ/HẠNG/LOẠI GCNKNCM, CCCM CŨ, NGÀY CẤP	THỜI GIAN NGHIỆP VỤ	DỰ HỌC, THI LẤY GCNKNCM, CCCM	GHI CHÚ
1	Theo thứ tự abc(**)							
2								
3								
4								
...								

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)**(*) Chỉ áp dụng với trường hợp dự học, thi lấy GCNKNCM thuyên trưởng, máy trưởng hạng nhất (T1, M1).**(**) Theo thứ tự abc trong bảng chữ cái tiếng Việt.*

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Dấu treo)

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

(Từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm...)

PHÂN PHỐI THỜI GIAN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

STT	MÃ MÔN HỌC, MÔĐUN	TÊN MÔN HỌC, MÔĐUN	GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY	PHÂN PHỐI THỜI GIAN (Giờ)				GHI CHÚ
				LT	TH	T (KT)	TS	
1								
2								
3								
4								
...								
TỔNG SỐ								

LỊCH HỌC TOÀN KHÓA ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA[illegible]

Giải thích các từ viết tắt:

LT

TH

T

KT

TS

Lý thuyết

Thực hành

Thi

Kiểm tra

**Tổng
số**

Phụ lục IV

KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN LẤY GCNKNCM, CCCM

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo số 2:
Thời gian học:.....
Khai giảng ngày:.....
Bế giảng ngày:.....

KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN LẤY GCNKNCM, CCCM

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐDCN/CCCD/ THẺ CC/HỘ CHIẾU	ĐIỂM THI CÁC MÔN						KẾT QUẢ		GHI CHÚ
				...	...	...	...	...	...	Đạt	Không đạt	
1	Theo thứ tự abc											
2												
3												
4												
....												

....., ngày tháng năm
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục V
QUYẾT ĐỊNH

Thành lập hội đồng thi cấp GCNKNCM, CCCM phương tiện thủy nội địa
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày...tháng...năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng thi để cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn,
chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

Căn cứ Quyết định số.../.../QĐ-...ngày....của....quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

Căn cứ Thông tư số...../TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thi, cấp, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Xét Tờ trình số.../...ngày.../.../... của...về việc đề nghị....tổ chức Hội đồng thi cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa;

Theo đề nghị của....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa tổ chức ngày tháng năm tại (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng thi thành lập Ban coi, chấm thi và chỉ đạo thực hiện kỳ thi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hội đồng được phép sử dụng con dấu của trong thời gian tổ chức kỳ thi cấp GCNKNCM, CCCM phương tiện thủy nội địa.

Điều 4.,, và các ông (bà) có tên trong danh sách Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN CẤP**

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT,.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**HỘI ĐỒNG THI ĐỀ CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY
TRƯỞNG, CCCM PHƯỜNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Kèm theo Quyết định số..... ngày....tháng....năm 20... của.....)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC DANH TRONG HỘI ĐỒNG
1			Chủ tịch
2			Phó Chủ tịch
3			Ủy viên
...			...
7			Ủy viên Thư ký

Phụ lục VI
LỊCH THI
CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
HỘI ĐỒNG THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH THI
CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(tại tổ chức từ ngày/....../20.... đến ngày/....../20....)

STT	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN COI THI, CHẤM THI	THUYỀN TRƯỞNG (Hạng, số thí sinh)			MÁY TRƯỞNG (Hạng, số thí sinh)		CCCM (Loại, số thí sinh)
		Lý thuyết tổng hợp (Trắc nghiệm)	Lý thuyết chuyên môn (Vấn đáp)	Thực hành	Lý thuyết tổng hợp (Trắc nghiệm)	Lý thuyết chuyên môn (Vấn đáp)	...
1							
2							
3							
...							

Thời gian thi:

Sáng: Từ...giờ...đến...giờ...

Chiều: Từ...giờ...đến...giờ...

....., ngày...tháng...năm 20...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục VII
KẾT QUẢ THI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP HỘI ĐỒNG THI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày...tháng...năm...

KẾT QUẢ THI

MÔN THI:

HỌ VÀ TÊN GIÁM THI, GIÁM KHẢO:

1

2

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐỀ THI	ĐIỂM	KẾT QUẢ		CHỮ KÝ	GHI CHÚ
					Đạt	Không đạt		
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								
11								
12								
...								

GIÁM THI, GIÁM KHẢO 1
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIÁM THI, GIÁM KHẢO 2
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục VIII
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
HỘI ĐỒNG THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo số 3:
Thời gian học:.....
Khai giảng ngày:.....
Bế giảng ngày:.....

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐDCN/CCCD/THẺ CC/HỘ CHIẾU	ĐIỂM THI CÁC MÔN					KẾT QUẢ		LOẠI GCNKNCM, CCCM	GHI CHÚ
				...	...	...	...	...	Đỗ	Không đỗ		
1	Theo thứ tự abc											
2												
3												
...												

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

...., ngày tháng năm
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục IX
BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG THI LẦN THỨ NHẤT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI ĐỒNG THI LẦN THỨ NHẤT

Thi hành Quyết định số.../QĐ-.... ngày.../.../20... của về việc tổ chức Hội đồng thi đề cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tại.....

Phiên họp bắt đầu hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....

Chủ trì: ông (bà)..... - Chủ tịch Hội đồng thi.

NỘI DUNG

I. THỦ TỤC:

1. Có mặt:.../....

2. Vắng mặt:.....

3. Chủ tịch Hội đồng công bố Quyết định thành lập Hội đồng thi và quán triệt các nguyên tắc cơ bản về thi đề cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa.

II. SỐ LƯỢNG THÍ SINH:

Theo Hồ sơ được duyệt và kết quả đào tạo, tổng số thí sinh đủ điều kiện dự thi:.....thí sinh.

- Thuyền trưởng hạng nhất:.....thí sinh.
- Thuyền trưởng hạng nhì:....thí sinh.
- Thuyền trưởng hạng ba:.....thí sinh.
- Thuyền trưởng hạng tư:.....thí sinh.
- Máy trưởng hạng nhất:....thí sinh.
- Máy trưởng hạng nhì:....thí sinh.
- Máy trưởng hạng ba:....thí sinh.
- Chứng chỉ chuyên môn:.... thí sinh.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ HỘI ĐỒNG THI:

1. Chủ tịch: ông (bà)....., phụ trách chỉ đạo chung suốt quá trình thi.

2. Phó Chủ tịch: ông (bà)....., phụ trách cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kỳ thi, cử cán bộ làm công tác an ninh trật tự, an toàn trong khu vực thi.
3. Trưởng ban coi thi, chấm thi: ông (bà)....., giúp Chủ tịch Hội đồng thi phân công giám thi, giám khảo coi thi, chấm thi, lập kế hoạch thi.
4. Phó Trưởng ban coi thi, chấm thi: ông (bà)..... giúp việc Trưởng ban.
5. Ủy viên Thư ký: ông (bà)...., giúp việc Chủ tịch Hội đồng, hoàn chỉnh các văn bản kỳ thi và kiểm tra tính đầy đủ về hồ sơ dự thi của các thí sinh.
6. (Cơ sở đào tạo) tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý đối với toàn bộ hồ sơ dự thi của các thí sinh.
7. Các uỷ viên khác: kiểm tra các điều kiện thi; tham gia coi thi, chấm thi; theo dõi tình hình diễn biến kỳ thi và kịp thời phản ánh về Hội đồng các vấn đề bất thường có liên quan.

IV. KẾ HOẠCH THI:

Khai mạc vào hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....

Ngày, giờ thi các môn có lịch cụ thể kèm theo.

Các nội dung trên đã được toàn thể Hội đồng nhất trí.

Phiên họp kết thúc hồi....giờ....., ngày....tháng....năm 20...

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HỌP HỘI ĐỒNG THI LẦN THỨ HAI

NỘI DUNG

- Tổng số thí sinh đăng ký:...thí sinh
- Số thí sinh dự thi:....thí sinh
- Số thí sinh không dự thi:....thí sinh
- Các vấn đề vướng mắc có liên quan đã giải quyết.

KẾT QUẢ THI

[illegible]

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Ưu điểm:

.....

.....

.....

2. Nhược điểm:

.....

.....

.....

3. Các kiến nghị:

.....

.....

Các nội dung trên đã được toàn thể Hội đồng nhất trí. Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)..... xem xét, quyết định công nhận kết quả thi và cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM cho học viên.

Phiên họp kết thúc hồi giờ..., ngày....tháng....năm 20....

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục XI**QUYẾT ĐỊNH**

Công nhận kết quả thi và cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày....tháng....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả thi và cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

Căn cứ Quyết định số.../.../QĐ-.....ngày.../.../....của....quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....;

Căn cứ Thông tư số...../TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thi, cấp, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Theo biên bản kết quả của Hội đồng thi cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày...../...../.....tại.....;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi và cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM cho.....thí sinh (có danh sách kèm theo) đã đạt kết quả thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa..... tổ chức ngày...../...../.....tại:.....

Điều 2. ..., ..., Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

DANH SÁCH CẤP GCNKNCM, CCCM

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-..... ngày.....tháng.....năm của.....)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐDCN/CCCD/THẺ CC/HỘ CHIẾU	LOẠI, HẠNG GCNKNCM, CCCM	GHI CHÚ
I. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHẤT					
1				T1	
2				T1	
3				T1	
...				...	
II. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHÌ					
1				T2	
2				T2	
3				T2	
...				...	
III. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG BA					
1				T3	
2				T3	
3				T3	
...				...	
IV. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG TƯ					
1				T4	
2				T4	
3				T4	
...				...	
V. MÁY TRƯỞNG HẠNG NHẤT					
1				M1	
2				M1	
3				M1	
...				...	
VI. MÁY TRƯỞNG HẠNG NHÌ					
1				M2	
2				M2	
3				M2	
...				...	
VII. MÁY TRƯỞNG HẠNG BA					
1				M3	
2				M3	
3				M3	
...				...	
VIII. CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN					
1				TT	
2				TM	
3				LPT	
...				...	

Phụ lục XII
SỔ CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

SỔ CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

HẠNG/LOẠI GCNKNCM/ CCCM(*)	SỐ GCNKNCM/ CCCM	CẤP LẦN ĐẦU	NGÀY CẤP	CÓ GIÁ TRỊ ĐẾN	SỐ SERI	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐDCN/CCCD/THẺ CC/HỘ CHIẾU	ẢNH	SỐ GCNKNCM/ CCCM CŨ

(*) *Chú thích:* Hạng/loại GCNKNCM/CCCM:

T1: GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất.

T2: GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì.

T3: GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba.

T4: GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư.

M1: GCNKNCM máy trưởng hạng nhất.

M2: GCNKNCM máy trưởng hạng nhì.

M3: GCNKNCM máy trưởng hạng ba.

ATCB: chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.

TT: chứng chỉ thủy thủ.

TM: chứng chỉ thợ máy.

LPT: chứng chỉ lái phương tiện.

ĐKCT: chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc.

ĐKVB: chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển.

ATVB: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.

ATXD: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu.

ATHC: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất.

ATKHL: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng.

HTPL: giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

BÌA SỔ

SỔ CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM PTTND <i>Quyển số:.....</i>
--

Phụ lục XIII
QUYẾT ĐỊNH

Thành lập ban coi thi, chấm thi cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa
(Ban hành kèm theo Thông tư số/2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-HĐT

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập ban coi thi, chấm thi cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

Căn cứ Thông tư số...../TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thi, cấp, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày...../...../.....của.....về việc thành lập Hội đồng thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa;

Theo đề nghị của Phó Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban coi thi, chấm thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày....tháng....năm.... tại.....(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban coi thi, chấm thi có nhiệm vụ thực hiện kỳ thi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng thi, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HĐT, KT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**BAN COI THI, CHẤM THI CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG,
MÁY TRƯỞNG, CCCM PHƯỜNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-HĐT ngày...../...../20.....của Hội đồng thi)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC DANH TRONG BAN COI THI, CHẤM THI
1			Trưởng ban
2			Phó Trưởng ban
3			Thành viên
4			Thành viên
5			Thành viên
...			...

Phụ lục XIV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
DỰ HỌC, THI, CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
DỰ HỌC, THI, CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM

Kính gửi (**):.....

Tên tôi là: Sinh ngày:

Điện thoại:; Email:

Số ĐDCN/CCCD/thẻ CC/hộ chiếu (**):.....

Giấy khám sức khỏe số:.....ngày.....nơi cấp.....

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:....., khóa:

Trường:, đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM
số: ngày

Ảnh màu
cỡ 2x3 cm,
ảnh chụp
không quá
06 tháng(*)

Quá trình làm việc trên phương tiện: Chi tiết tại bảng kèm theo.

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, cấp, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM,
tôi thấy đủ điều kiện:

+ Dự học để thi lấy GCNKNCM, CCCM:	☐	+ Cấp do GCNKNCM, CCCM hết hạn:	☐
+ Dự thi cấp GCNKNCM, CCCM:	☐	+ Cấp do GCNKNCM, CCCM hỏng, sai lệch thông tin hoặc cần điều chỉnh thông tin:	☐
+ Xét cấp GCNKNCM, CCCM:	☐	+ Cấp do mất GCNKNCM, CCCM:	☐
+ Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM:	☐	+ Lý do khác:.....	

Đề nghị (**):.....cho tôi được dự học, thi, cấp,
chuyển đổi:

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(*) 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng;

(**) cơ quan có thẩm quyền cấp.

(***) Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số hộ chiếu.

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Kèm theo Đơn đề nghị)

TỪ.....ĐẾN	CHỨC DANH	NƠI LÀM VIỆC	SỐ ĐĂNG KÝ PTNĐ	XÁC NHẬN ¹ CỦA CHỦ PHƯƠNG TIỆN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN ²

¹ Chỉ bắt buộc xác nhận đối với quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa kể từ ngày Thông tư có hiệu lực.

² Ký, đóng dấu nếu là cơ quan, tổ chức.

Phụ lục XV
MẪU DANH SÁCH
HỌC VIÊN THAM DỰ LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ COI THI, CHẤM THI
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Họ và tên	Chức vụ Đơn vị công tác	Ngành, loại, hạng coi thi, chấm thi đã được công bố trước đó	Trình độ đào tạo		Ngành, loại, hạng coi thi, chấm thi đăng ký dự tập huấn nghiệp vụ	Điện thoại, email, fax
				Văn bằng	Chuyên môn		
1							
2							
3							
...							

Ghi chú:

- Nếu là tổ chức: ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên.
- Nếu là cá nhân: ký, ghi rõ họ và tên.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

Phụ lục XVI

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, THI, CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, THI, CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM
THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA (THÁNG/QUÝ/NĂM).....**

1. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG THI CẤP GCNKNCM, CCCM

[illegible]

2. KẾT QUẢ CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM

Loại, hạng	THUYỀN TRƯỞNG				MÁY TRƯỞNG			CCCM NGHIỆP VỤ			CCCM ĐẶC BIỆT						AT CB	HT PL	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	T1	T2	T3	T4	M1	M2	M3	TT	TM	LPT	ĐK CT	ĐK VB	AT VB	AT XD	AT HC	AT KHL				
Hội đồng thi																				
Xét cấp																				
Cấp do hết hạn, mất																				
Chuyển đổi																				
Tổng số																				
Lũy kế (2015 – nay)																				

....., ngày....tháng....năm....

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Chú thích:

T1: thuyền trưởng hạng nhất.
T2: thuyền trưởng hạng nhì.
T3: thuyền trưởng hạng ba.
T4: thuyền trưởng hạng tư.
M1: máy trưởng hạng nhất.
M2: máy trưởng hạng nhì.
M3: máy trưởng hạng ba.
TT: chứng chỉ thủy thủ.
TM: chứng chỉ thợ máy.
LPT: chứng chỉ lái phương tiện.

GCNKNCM: giấy chứng nhận khả năng chuyên môn
CCCM: chứng chỉ chuyên môn.
ĐKCT: chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc.
ĐKVB: chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển.
ATVB: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.
ATXD: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu.
ATHC: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất.
ATKHL: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng.
ATCB: chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.
HTPL: giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.